

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 85/2025/DS-ST

Ngày 22-9-2025

Về: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tùng

2. Bà Huỳnh Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín, thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Minh Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 177/2025/TLST – DS ngày 09 tháng 4 năm 2025, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXX – ST ngày 11-8-2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2025/QĐ-ST ngày 04-9-2025 giữa các bên:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K; địa chỉ: 4 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang (nay là phường R, tỉnh An Giang).

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung V Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: 98 – 108A CMT8, phường V, Quận C (nay là phường X), Tp .. Theo Quyết định số 68/QĐ-CT.HĐQT ngày 09/07/2024 về việc Ủy quyền ký duyệt hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác xử lý nợ.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Bà Nguyễn Minh Thu M1, sinh năm 1987. Chuyên viên xử lý nợ - Phòng xử lý nợ - Ngân hàng TMCP K. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công C, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt lần 2 không lý do.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 (chết ngày 24/11/2023), bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Các con bà N ông T:

1. Nguyễn Hải T1, sinh năm 1989
2. Nguyễn Thị Thúy N1, sinh năm 1994
3. Nguyễn Quyết T2, sinh năm 1997
4. Nguyễn Thị Thu T3, sinh năm 1999
5. Nguyễn Công C, sinh năm 2002
6. Nguyễn Thị Ut N2, sinh năm 2004

Cùng địa chỉ: địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt lần 2 không lý do.

- Cha ông T: Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1913 (chết năm 1995). Mẹ bà Vương Thị S, sinh năm 1931; địa chỉ: H, H, Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa, bà Nguyễn Minh Thu M1 (đại diện của ngân hàng) trình bày: Ông Nguyễn Công C có vay của Ngân hàng K - Chi nhánh B - P theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ sau:

1. Thông tin khoản vay: Hợp đồng tín dụng số 053/23/HĐTD ngày 11/10/2023 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 053/23/KUNN ngày 12/10/2023: Số tiền cho vay: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Số tiền giải ngân lần này: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn vay: 12 tháng từ ngày 12/10/2023 đến ngày 11/10/2024. Lãi suất vay là: 13,8%/năm được cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân theo từng KUNN. Sau thời gian cố định lãi suất này, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và lãi suất vay bằng (=) Lãi suất cơ sở ngắn hạn tại thời điểm điều chỉnh (+) 2,9%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mức phạt chậm trả: 10%/năm. Phí phạt trả nợ trước hạn: 1%* số tiền trả nợ trước hạn. Lãi vay, vốn gốc: Lãi vay trả hàng tháng, ngày trả lãi vay đầu tiên: 25/11/2023; Vốn gốc được trả cuối kỳ.

2. Tài sản bảo đảm cho khoản vay: Quyền sử dụng đất thừa số 76, tờ bản đồ số 69, diện tích 106,9 m², mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, thời hạn sử dụng: lâu dài; Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Tọa lạc tại xã P, huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 138376, số vào sổ cấp GCN số CH 06560 do UBND huyện L (nay là huyện L) cấp ngày 24/07/2015 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 017/23/HĐTC ngày 11/10/2023 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh B – P với bà Nguyễn Thị N - ông Nguyễn Văn T được công chứng ngày

11/10/2023 tại Phòng C1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, số công chứng: 5401, quyền số 02/2023 TP/CC- SCC/HĐGD và đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 11/10/2023 tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện L (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Quá trình thực hiện Hợp đồng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông Nguyễn Công C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng như hợp đồng đã ký kết theo: Hợp đồng tín dụng số 053/23/HĐTD ngày 11/10/2023 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 053/23/KUNN ngày 12/10/2023, cụ thể đến ngày 12/10/2024 đến hạn tất toán nhưng ông C không trả, phát sinh lãi quá hạn đến ngày 22/9/2025 tổng số tiền: 1.149.790.411 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; lãi quá hạn: 149.790.411 đồng.

Tại Tòa bà M1 yêu cầu: Buộc ông Nguyễn Công C phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP K (gọi tắt Ngân hàng) toàn bộ số tiền nêu trên và tiền phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Công C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì Ngân hàng K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mãi các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 017/23/HĐTC ngày 11/10/2023 để thu hồi khoản vay cho Ngân hàng.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Nguyễn Công Chính xác N4: Ngày 11/10/2023, ông Nguyễn Công C có ký kết với Ngân hàng TMCP K Hợp đồng tín dụng số 053/23/HĐTD và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 053/23/KUNN ngày 12/10/2023. Ông Chính xác N4 đã nhận số tiền vay: 1.000.000.000 đồng. Đến nay chưa trả được khoản nợ gốc nào, nợ lãi phát sinh nào cho ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu ông C trả tổng số tiền: 1.149.790.411 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; lãi quá hạn: 149.790.411 đồng, ông C đồng ý.

Tài sản thế chấp bảo đảm số tiền vay nêu trên là tài sản của ông T bà N (cha, mẹ ruột của ông C) thừa đất số 76, tờ bản đồ số 69 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy đất số CA 138376 cấp ngày 24/7/2015 đứng tên bà N ông T. Trường hợp nếu ông C không trả được nợ thì đề nghị xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N các ông (bà) Nguyễn Viêt T4, Nguyễn Hải T1, Nguyễn Thị Thu T3, bà Nguyễn Thị Thúy N1, Nguyễn Công C và Nguyễn Thị Út N2) trình bày:

Ông Nguyễn Văn T sinh năm 1967, chết ngày 24/11/2023. Ông Nguyễn Văn T là chồng của bà Nguyễn Thị N. Bà N với ông T có tất cả 06 người con. Ngoài các con chúng tôi kê tên thì không có con riêng hay con nuôi nào khác, bao gồm:

1. Ông Nguyễn Hải T1, sinh ngày 16-11-1989
2. Bà Nguyễn Thị Thúy N1, sinh ngày 02-01-1994

3. Ông Nguyễn Quyết T2, sinh ngày 26-11-1997

4. Bà Nguyễn Thị Thu T3, sinh ngày 02-11-1999

5. Ông Nguyễn Công C, sinh ngày 01-4-2002

6. Bà Nguyễn Thị Út N2 ngày 24-02-2004

Cùng địa chỉ: A A Ấp L, xã P (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh).

Tài sản chung của ông T bà N là: Quyền sử dụng thửa đất số 76, tờ bản đồ 69 tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành Phố Hồ Chí Minh). Thửa đất trên đang thế chấp tại ngân hàng TMCP K để bảo khoản nợ vay theo hợp đồng tín dụng từng lần số 053/23/HĐTD với số tiền vay gốc: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng). Thời hạn vay 12 tháng. Tính từ thời điểm vay đến nay ông C chưa trả được khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng, lãi có trả mỗi tháng từ ngày vay đến tháng 12 năm 2024. Từ tháng 01/2025, thì không trả đến nay.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông C trả nợ chúng tôi đồng ý. Trường hợp ông C không trả được số nợ nêu trên hoặc trả không đủ thì bà N, bà T3, bà N2, bà N1 và ông T2, ông T1, ông C đồng ý để Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 017/23/HĐTC ngày 11-10-2023 để ngân hàng thu hồi nợ.

- Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và đương sự (nguyên đơn) tuân theo quy định của pháp luật.

+ Tại phiên xét xử: Hội đồng xét xử, thư ký và đương sự (nguyên đơn) tuân theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ 2. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông C phải trả cho ngân hàng tổng số tiền nợ 1.149.790.411 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng, lãi quá hạn: 149.790.411 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 23/9/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng. Nếu ông C không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Công C trả tiền nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng ký ngày 11/10/2023 giữa 2 bên nên xác định quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông C hiện đang sinh sống tại xã L, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu

vực 13, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Công C, Nguyễn Hải T1, Nguyễn Quyết T2 bà Nguyễn Thị Thúy N1, Nguyễn Thị Thu T3 và Nguyễn Thị Út N2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về hợp đồng tín dụng: Ngày 11/10/2023, ông Nguyễn Công C với Ngân hàng TMCP K ký kết Hợp đồng tín dụng số 053/23/HĐTD. Số tiền vay: 1.000.000.000 đồng. Thời hạn vay: 12 tháng. Ông Chính xác N4 đã nhận số tiền vay: 1.000.000.000 đồng theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 053/23/KUNN ngày 12/10/2023. Cho thấy, việc vay tiền giữa hai bên là có thật. Tại biên bản hòa giải ngày 11/8/2025, ông C và những người liên quan (bà N, bà N1, bà N2, ông T2) xác nhận chưa trả nợ gốc nào, tiền lãi trả đến tháng 12/2024 ngưng trả đến nay. Theo xác nhận của Ngân hàng tại bảng tính lãi đối với khoản vay ngày 22-9-2025 và tại phiên tòa hôm nay, thể hiện: Theo thỏa thuận giữa hai bên thì bên vay phải trả lãi vào ngày 25 của mỗi tháng đồng thời đến ngày 12/10/2024 là ngày tắt toán cho khoản vay nhưng ông C không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng từng lần số 053/23/HĐTD ngày 11/10/2023 và khoản 9 của khế ước nhận nợ ngày 12/10/2023. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 9 của khế ước, Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc bị đơn phải trả tổng số tiền: 1.149.790.411 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.000.000.000 đồng; lãi quá hạn: 149.790.411 đồng, là có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản bảo đảm: Ngày 11/10/2023, Ông T bà N ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (áp dụng trong trường hợp tài sản thế chấp là tài sản của bên thứ ba) số: 017/23/HĐTC ngày 11/10/2023, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Văn phòng đất ký đất đai huyện L). Thể hiện, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N tự nguyện dùng tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của mình để đảm bảo khoản nợ vay tại Ngân hàng (hợp đồng tín dụng số: 053/23/HĐTD ngày 11/10/2023 (khoản 2 Điều 1 hợp đồng thế chấp).

Ông Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1967, chết ngày 24/11/2023, các con ông T và N gồm: Ông Nguyễn Công C, Nguyễn Hải T1, Nguyễn Quyết T2 bà Nguyễn Thị Thúy N1, Nguyễn Thị Thu T3 và Nguyễn Thị Út N2.

Cha ông T: Ông Nguyễn Văn N3, sinh năm 1913 (chết năm 1995). Mẹ bà Vương Thị S, sinh năm 1931; địa chỉ: H, H, Nam Định (Bà S có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế được UBND thị trấn C, huyện H, tỉnh Nam Định chứng thực ngày 27/9/2025.

Hàng thừa kế của ông T bao gồm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Công C, Nguyễn Hải T1, Nguyễn Quyết T2 bà Nguyễn Thị Thúy N1, Nguyễn Thị Thu T3

và Nguyễn Thị Út N2 và các ông bà N, C, T1, T2, N1, T3 và N2 đồng ý nếu ông C không trả được nợ hoặc trả không đủ cho Ngân hàng thì các ông (bà) N, C, T1, T2, N1, T3 và N2 đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp đã được ông T bà N ký số: 017/23/HĐTC ngày 11/10/2023. Nay ông C không thanh toán được khoản nợ vay nên đủ cơ sở chấp yêu cầu của nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 317, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự.

- Về chi phí thẩm định: 5.000.000 đồng ông C phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên ông C phải nộp để hoàn trả lại cho Ngân hàng.

- Về chi phí đăng tin báo, đài: 11.000.000 đồng ông C phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên ông C phải nộp để hoàn trả lại cho Ngân hàng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông C phải nộp 46.493.712 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 317, khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K đối với ông Nguyễn Công C, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

- Ông Nguyễn Công C có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền: 1.149.790.411đ (Một tỷ một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ngàn bốn trăm mười một đồng). Trong đó: nợ gốc 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng, lãi quá hạn: 149.790.411đ (Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ngàn bốn trăm mười một đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23-9-2025, được tính theo thỏa thuận mà hai bên đương sự ký kết tại hợp đồng tín dụng từng lần số 053/23/HĐTD ngày 11/10/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp ông Nguyễn Công C không thực hiện hoặc thực hiện không đủ nghĩa vụ trả nợ thì các ông (bà) Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Hải T1, bà Nguyễn Thị Thúy N1, ông Nguyễn Quyết T2, bà Nguyễn Thị Thu T3, ông Nguyễn Công C và bà Nguyễn Thị Út N2 đồng ý để Ngân hàng TMCP K có quyền hoặc yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đang thế chấp: Thửa đất số 76, tờ bản đồ số 69 diện tích 106,9m² tại xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 138376 đứng tên ông Nguyễn Văn T bà Nguyễn Thị N do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là xã L, Thành phố Hồ Chí Minh) ngày 24-7-2015, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (áp dụng trong trường hợp tài sản thế chấp là tài sản của bên thứ ba) số 017/23/HĐTC ngày 11/10/2023 để thu hồi nợ.

- Về chi phí thẩm định: 5.000.000đ (Năm triệu đồng) ông Nguyễn Công C phải chịu. Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng nên ông C phải nộp để trả lại cho ngân hàng.

- Về chi phí đăng tin, báo đài: 11.000.000đ (Mười một triệu đồng) ông Nguyễn Công C phải chịu. Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng nên ông C phải nộp để trả lại cho ngân hàng.

- Về án phí DSST:

+ Ông Nguyễn Công C phải nộp: 46.493.712đ (Bốn mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi ba ngàn bảy trăm mười hai đồng).

+ Hoàn trả số tiền: 21.626.301đ (Hai mươi một triệu sáu trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm linh một đồng) cho Ngân hàng TMCP K đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0002384 ngày 04/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Thi hành án dân sự Thành phố H).

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện KS ND khu vực 13-Tp. HCM;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 13-Tp. HCM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc

∴